

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội, tháng 3 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 7 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại số 168 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 có trụ sở tại số 11, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, ngành nghề kinh doanh là đầu tư và xây dựng. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 có vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Dương Tất Khiêm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh chủ yếu kèm theo của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”). Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 5.17 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Ngô Kiều Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1314/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
	(100 = 110+120+130+140+150)			927.252.966.231	593.014.083.099
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	80.137.772.081	52.050.482.467
1.	Tiền	111		60.137.772.081	52.050.482.467
2.	Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II-	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.996.721.834	68.682.288.748
1.	Phải thu khách hàng	131		142.780.622.233	62.046.340.529
2.	Trả trước cho người bán	132		32.880.552.947	5.372.153.866
3.	Các khoản phải thu khác	135	5.2	11.397.623.068	1.307.514.451
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(62.076.414)	(43.720.098)
IV-	Hàng tồn kho	140	5.3	628.756.764.632	447.974.262.199
1.	Hàng tồn kho	141		628.756.764.632	447.974.262.199
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		31.361.707.684	24.307.049.685
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.000.000	50.337.847
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.086.080.774	4.570.227.323
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38.372.571	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	26.197.254.339	19.686.484.515
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.670.520.490	34.670.837.895
	(200 = 210+220+240+250+260+270)				
I-	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II-	Tài sản cố định	220		16.274.083.540	17.000.711.337
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	14.497.717.340	15.224.345.137
	<i>Nguyên giá</i>	222		28.607.247.972	26.868.283.335
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.109.530.632)	(11.643.938.198)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.776.366.200	1.776.366.200
	<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III-	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.934.494.782	5.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	934.494.782	-
1.	Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	5.000.000.000	5.000.000.000
V-	Lợi thế thương mại	260		-	-
VI-	Tài sản dài hạn khác	270		16.461.942.168	12.670.126.558
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	5.9	16.239.118.055	12.423.375.221
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.10	222.824.113	246.751.337
	TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		965.923.486.721	627.684.920.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
				VND	VND
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		804.905.784.821	545.958.385.856
I-	Nợ ngắn hạn	310		724.869.126.627	492.071.929.284
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	255.560.432.729	154.655.005.226
2.	Phải trả người bán	312		389.938.643.645	263.002.924.499
3.	Người mua trả tiền trước	313		64.670.142.689	51.406.846.582
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	4.707.814.427	7.467.319.361
5.	Chi phí phải trả	316	5.13	757.324.058	716.668.339
6.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	8.764.672.333	14.291.242.315
9.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		470.096.746	531.922.962
II-	Nợ dài hạn	330		80.036.658.194	53.886.456.572
1.	Vay và nợ dài hạn	334	5.15	79.973.031.438	53.878.439.156
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		63.626.756	8.017.416
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		161.017.701.900	81.726.535.138
I-	Vốn chủ sở hữu	410	5.16	141.551.293.809	69.311.382.536
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	50.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.410.417.000	5.848.125.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.940.721.487	1.136.461.596
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.734.676.018	1.136.461.596
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.465.479.304	11.190.334.344
C-	LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		19.466.408.091	12.415.152.602
	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		965.923.486.721	627.684.920.994

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	729.246.257.152	677.384.545.402
2. Các khoản giảm trừ	02	5.17	-	381.559.235
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	729.246.257.152	677.002.986.167
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	683.878.630.579	642.325.383.747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		45.367.626.573	34.677.602.420
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	14.920.005.032	8.620.547.775
7. Chi phí tài chính	22	5.20	16.638.425.138	10.384.131.958
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	25.331.664.860	19.787.371.560
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		18.317.541.607	13.126.646.677
11. Thu nhập khác	31	5.22	5.757.700.632	4.993.365.719
12. Chi phí khác	32	5.23	1.393.741.253	645.558.213
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.363.959.379	4.347.807.506
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(65.505.218)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		22.615.995.768	17.474.454.183
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	5.693.472.496	4.030.431.881
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		23.927.224	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.898.596.048	13.444.022.302
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.051.285.259	135.710.526
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		14.847.310.789	13.308.311.776
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	2.801	2.819

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	881.752.827.126	552.119.842.930
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(842.123.495.556)	(492.595.055.151)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(119.925.637.073)	(117.926.634.390)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(37.244.701.955)	(8.104.081.814)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.949.574.662)	(1.549.477.923)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.551.533.576	15.613.850.435
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.894.245.792)	(75.028.937.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(123.833.294.336)	(127.470.493.690)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.422.346.207)	(5.580.979.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	612.500.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.398.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.528.506.717	4.326.435.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	712.262.510	(1.254.543.867)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	67.692.292.000	25.341.875.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	469.348.013.273	305.495.774.748
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(367.822.671.333)	(193.942.554.654)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.009.312.500)	(3.882.946.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	151.208.321.440	133.012.148.594
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	28.087.289.614	4.287.111.037
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52.050.482.467	47.763.371.430
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	80.137.772.081	52.050.482.467

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển Nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2010: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung, chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (tiếp)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ, thiết bị thi công được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	9.911.017.983	5.169.168.070
Tiền gửi ngân hàng	50.226.754.098	46.881.314.397
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
Tổng	80.137.772.081	52.050.482.467

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Cổ tức năm 2010 đã tạm ứng cho cổ đông	7.500.000.000	-
Phải thu khác	3.897.623.068	1.307.514.451
<i>Chi phí Ban Quản lý chưa phân bổ</i>	-	940.721.912
<i>Tiền đền bù tài sản hoa màu</i>	1.216.951.974	-
<i>Dự án Vân Canh</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.680.671.094	366.792.539
Tổng	11.397.623.068	1.307.514.451

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.454.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	628.753.310.087	447.974.262.199
Tổng	628.756.764.632	447.974.262.199

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	25.936.764.153	19.686.484.515
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	260.490.186	-
Tổng	26.197.254.339	19.686.484.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	6.314.639.408	15.875.369.468	3.868.077.461	810.196.998	26.868.283.335
Tăng trong năm	54.512.142	1.940.672.860	1.361.042.546	40.636.364	3.396.863.912
Mua trong năm	-	1.001.612.427	1.361.042.546	40.636.364	2.403.291.337
XDCB hoàn thành	54.512.142	-	-	-	54.512.142
Sửa chữa lớn tài sản	-	939.060.433	-	-	939.060.433
Giảm trong năm	847.432.140	692.772.135	117.695.000	-	1.657.899.275
Thanh lý, nhượng bán	-	692.772.135	117.695.000	-	810.467.135
Góp vốn	847.432.140	-	-	-	847.432.140
Tại ngày 31 tháng 12	5.521.719.410	17.123.270.193	5.111.425.007	850.833.362	28.607.247.972
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	1.147.173.719	8.513.271.786	1.605.853.436	377.639.257	11.643.938.198
Tăng trong năm	293.832.891	1.906.784.653	725.626.037	151.413.268	3.077.656.849
Khấu hao trong năm	293.832.891	1.906.784.653	725.626.037	151.413.268	3.077.656.849
Giảm trong năm	295.751.471	286.889.194	29.423.750	-	612.064.415
Thanh lý, nhượng bán	-	286.889.194	29.423.750	-	316.312.944
Góp vốn	295.751.471	-	-	-	295.751.471
Tại ngày 31 tháng 12	1.145.255.139	10.133.167.245	2.302.055.723	529.052.525	14.109.530.632
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	5.167.465.689	7.362.097.682	2.262.224.025	432.557.741	15.224.345.137
Tại ngày 31 tháng 12	4.376.464.271	6.990.102.948	2.809.369.284	321.780.837	14.497.717.340

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 209m² tại thửa đất số 73-109 tờ bản đồ số 2,3 nền 1, lô 1 Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

5.7 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn với Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng HUD-CIC thành lập Công ty CIC-DECOR (*)	934.494.782	-
Tổng	934.494.782	-

(*)Nghị quyết 184A/NQ-HĐQT ngày 2/2/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất góp vốn thành lập Công ty CP Kiến trúc và Xây dựng CIC- DECOR với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 góp 1 tỷ đồng gồm nhà xưởng, thiết bị của xưởng mộc và trang trí nội ngoại thất (tương đương 20% vốn điều lệ).

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD8	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000

Giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8. Tổng giá trị vốn góp dự kiến là 5.000.000.000 đồng tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8, số vốn thực tế góp đến thời điểm 31/12/2010 là 5.000.000.000 đồng.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	12.423.375.221	10.101.503.370
Tăng	8.526.059.861	9.124.681.347
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.686.076.122	5.915.654.812
Giảm khác	24.240.905	887.154.684
Tại ngày 31 tháng 12	16.239.118.055	12.423.375.221

Số dư chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	222.824.113	246.751.337
Tổng	222.824.113	246.751.337

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	224.580.432.729	154.655.005.226
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>209.278.502.142</i>	<i>137.803.192.501</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần</i>		
<i>Kỹ thương Việt Nam</i>	8.725.802.587	6.855.680.000
<i>Ngân hàng Liên Việt</i>	-	9.996.132.725
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh</i>	6.576.128.000	-
Vay cá nhân (*)	27.980.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm	3.000.000.000	-
Tổng	255.560.432.729	154.655.005.226

(*) Vay theo Nghị quyết số 281A ngày 06/10/2010 về việc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở của cán bộ, công nhân viên Công ty. Theo đó, cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng quyền sử dụng đất ở, nhà ở để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Công ty ký hợp đồng vay vốn với cá nhân theo lãi suất Ngân hàng thu và sẽ chịu trách nhiệm thanh toán lãi vay hàng tháng cho Ngân hàng.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.159.177.445	3.672.528.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.496.910.125	3.753.012.288
Thuế thu nhập cá nhân	51.726.857	41.778.205
Tổng	4.707.814.427	7.467.319.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trích trước tiền điện	-	7.395.005
Chi phí lãi vay	704.079.599	615.199.207
Trích trước 0.5% phí quản lý Tổng Công ty công trình nhà 7A	53.244.459	-
Chi phí khác	-	94.074.127
Tổng	757.324.058	716.668.339

5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	446.700.993	326.781.985
Bảo hiểm xã hội	108.504.059	68.349.924
Bảo hiểm y tế	53.660.915	11.609.268
Bảo hiểm thất nghiệp	14.774.654	6.373.680
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.141.031.712	13.878.127.458
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị(nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị - HUD)</i>	-	357.734.459
<i>Phải trả lãi vay</i>	66.747.461	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	7.569.161.449	12.322.054.440
<i>CTGL53 - Cấp điện hạ thế bãi đỗ xe 04 Việt Hưng</i>	-	6.484.063
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	505.122.802	1.191.854.496
Tổng	8.764.672.333	14.291.242.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	79.973.031.438	53.878.439.156
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(*)</i>	<i>52.954.909.249</i>	<i>51.081.439.156</i>
<i>Ngân hàng Cổ phần Thương mại Đại Tín(**)</i>	<i>27.018.122.189</i>	<i>2.797.000.000</i>
Tổng	79.973.031.438	53.878.439.156

(*) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTDTH ngày 03/07/2009, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 90 tỷ đồng, khoản vay này được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng công trình “Nhà ở thấp tầng lô BT15, LK36; LK39, LK40 và LK42 khu đô thị mới Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội”. thời hạn vay 2 năm. Lãi suất theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản tiền vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Hợp đồng tín dụng số 00251/HĐTD/TDH-2009 ngày 15/09/2009, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 22 tỷ đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng 31/12/2011, thời gian giải ngân theo tiến độ dự án đến hết quý 4 năm 2010, khoản tiền vay này được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư “tiếp nhận ủy quyền và đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng lô LK1, LK3 Khu đô thị mới Đông Sơn- huyện Đông Sơn- tỉnh Thanh Hóa” với lãi suất 0,875%/tháng, lãi suất này được Ngân hàng tự động điều chỉnh bằng 150% lãi suất cơ bản khi Quyết định điều chỉnh lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực nhưng không thấp hơn 0,875%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng 2%/tháng. Số tiền vay theo hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và được Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị- HUD) bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	25.500.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	24.500.000.000
Tổng	100.000.000.000	50.000.000.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông	: 10.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	30.506.250.000
Vốn góp tăng trong năm	50.000.000.000	19.493.750.000
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.025.312.500	6.101.250.000

Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	5.000.000	1.949.375
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	10.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:(VND)</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2009	30.506.250.000	-	22.549.813	22.549.813	8.871.287.088
Tăng trong năm	19.493.750.000	5.848.125.000	1.113.911.783	1.113.911.783	13.388.549.750
Tăng vốn	19.493.750.000	5.848.125.000	-	-	-
Lãi	-	-	-	-	13.308.311.776
Trích quỹ	-	-	1.113.911.783	1.113.911.783	-
Tăng khác	-	-	-	-	80.237.974
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.069.502.494
Trích quỹ	-	-	-	-	4.754.869.608
Chia cổ tức	-	-	-	-	6.101.250.000
Giảm khác	-	-	-	-	213.382.886
Số dư tại 31/12/2009	50.000.000.000	5.848.125.000	1.136.461.596	1.136.461.596	11.190.334.344
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	5.848.125.000	1.136.461.596	1.136.461.596	11.190.334.344
Tăng trong năm	50.000.000.000	17.602.292.000	804.259.891	598.214.422	14.847.310.789
Tăng vốn	50.000.000.000	17.602.292.000	-	-	-
Lãi	-	-	-	-	14.847.310.789
Trích quỹ	-	-	804.259.891	598.214.422	-
Giảm trong năm	-	40.000.000	-	-	11.572.165.829
Giảm khác	-	40.000.000	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	9.025.312.500
Trích quỹ	-	-	-	-	2.546.853.329
Số dư tại 31/12/2010	100.000.000.000	23.410.417.000	1.940.721.487	1.734.676.018	14.465.479.304

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	683.839.988.016	572.981.962.545
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	256.611.207	37.931.413.077
Doanh thu kinh doanh bất động sản (*)	43.163.666.656	64.506.622.508
Doanh thu khác	1.985.991.273	1.964.547.272
Tổng	729.246.257.152	677.384.545.402

(*) Trong năm 2010, Công ty đã xuất đủ hóa đơn tài chính và thực hiện các thủ tục bàn giao nhà đã bán cho chủ sở hữu nhưng chưa đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	649.214.970.628	548.983.891.949
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	256.611.207	36.839.507.250
Giá vốn kinh doanh bất động sản	32.368.140.524	55.397.871.441
Giá vốn khác	2.038.908.220	1.104.113.107
Tổng	683.878.630.579	642.325.383.747

5.19 Doanh thu tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.920.005.032	4.326.435.605
Lãi chậm nộp tiền mua nhà	-	387.777.847
Tiền hỗ trợ lãi suất	-	2.532.958.998
Lãi vay phải thu của Đội và của Công ty con	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.373.375.325
Tổng	14.920.005.032	8.620.547.775

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.572.095.859	9.329.499.433
Chiết khấu thanh toán	-	1.051.923.750
Chi phí hoạt động tài chính khác	66.329.279	2.708.775
Tổng	16.638.425.138	10.384.131.958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.209.870.133	10.817.896.575
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.495.388.502	1.042.901.063
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.679.775.796	1.418.392.897
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	39.422.393	53.317.722
Thuế, phí và lệ phí	453.995.859	80.423.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.081.065.409	3.084.692.271
Chi phí bằng tiền khác	2.372.146.768	3.289.747.593
Tổng	25.331.664.860	19.787.371.560

5.22 Thu nhập khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê công cụ, dụng cụ	3.952.159.062	2.209.103.100
Thu nhập từ thanh lý tài sản	957.755.205	141.371.095
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	108.413.182	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	39.845.227
Thu phạt vi phạm hợp đồng, thu phạt mất tài	176.615.000	398.510.397
Đánh giá tăng giá trị tài sản góp vốn	441.921.331	-
Thu nhập khác	120.836.852	2.204.535.900
Tổng	5.757.700.632	4.993.365.719

5.23 Chi phí khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Phân bổ giá trị của thiết bị cho thuê	615.898.094	304.328.151
Giá trị còn lại của tài sản, thiết bị thanh lý	757.164.191	135.141.921
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
Chi phí khác	20.678.968	206.088.141
Tổng	1.393.741.253	645.558.213

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.095.220.986	19.353.294.183
Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản	10.795.526.132	6.926.738.617
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành từ kinh doanh bất động sản	2.698.881.533	1.731.684.654
Lợi nhuận hoạt động xây dựng và hoạt động khác	13.299.694.854	12.426.555.566
Điều chỉnh thu nhập từ cổ tức nhận được	(1.413.720.000)	(1.878.840.000)
Điều chỉnh tăng	92.389.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	11.978.363.854	10.547.715.566
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế TNDN được miễn giảm	-	377.113.965
Chi phí thuế thu nhập hiện hành từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	2.994.590.963	2.259.814.927
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	5.693.472.496	3.991.499.582
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	38.932.299
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.693.472.496	4.030.431.881

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	14.847.310.789	13.308.311.776
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.847.310.789	13.308.311.776
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.301.370	4.720.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.801	2.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

6.2 Nợ tiềm tàng

Theo quy định của Hợp đồng 286 ngày 24/12/2008 về thanh toán giá trị dự án Vân Canh, dự án Việt Hưng, Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị sẽ tính thu lãi chậm trả trên số tiền vốn thi công, tuy nhiên do các Dự án nêu trên chưa được Tập đoàn phê duyệt phương án bán nhà nên chưa thu hồi được vốn để thanh toán cho Tập đoàn. Khoản lãi vay phải trả theo đó sẽ phụ thuộc vào quyết định điều chỉnh của Tập đoàn.

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông***

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.162.300.949	1.542.192.673

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giao dịch mua hàng				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)		Thi công xây dựng	57.638.487.968	163.563.672.201
		Tập đoàn thu phí quản lý	1.389.908.598	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD - CIC		Chi phí thi công	-	1.708.319.021
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4		Chi phí thi công	36.363.636	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

6.3 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

	Mối	Tính chất	Năm 2010	Năm 2009
Bên liên quan	quan hệ	giao dịch	VND	VND
Giao dịch bán hàng				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	298.318.177.496	306.360.355.384
		Tiền điện các dự án	42.919.563	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD2			-	4.114.486.861
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD3			-	83.804.756
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4		Thu tiền điện các dự án	191.970.815	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6			-	29.196.365.044
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND		Thi công xây dựng	13.973.867.273	5.397.274.546
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9		Thi công xây dựng	6.408.498.182	3.813.708.182
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		Thi công xây dựng	4.620.886.570	7.776.634.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo		Thi công xây dựng	924.834.545	8.341.208.650
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang		Thi công xây dựng	2.073.898.182	-
Giao dịch khác				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	Công ty mẹ	Chi cổ tức	4.610.878.000	3.143.512.000
		Phí BDH, phí chuyên gia hòa	3.654.798.082	
Số dư với các bên liên quan				
Bên liên quan	Mối	Tính chất	31/12/2010	31/12/2009
	quan hệ	giao dịch	VND	VND
Các khoản phải thu				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	Công ty mẹ	Phải thu KH		704.315.392
		Phải thu khác	8.456.121	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD3		Phải thu KH	-	89.927.982
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4		Phải thu KH	4.878.898	
		Ứng trước cho người bán	40.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6		Phải thu KH	2.345.591.940	9.682.591.940
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9		Phải thu KH	3.328.230.531	804.486.553
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo			8.001.859.880	6.984.541.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản phải trả				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	Công ty mẹ	Khách hàng ứng trước	913.396.001	-
		Phải trả người bán	173.534.727.019	150.448.358.772
		Phải trả khác	-	357.734.459
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD - CIC		Phải trả người bán	467.836.000	467.836.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4		Phải trả người bán	36.363.636	
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101		Phải trả người bán	14.195.058.256	3.829.666.694
Công ty CP Đầu tư & Phát triển BĐS HUDLAND		Khách hàng ứng trước	2.130.906.850	1.998.646.500
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang		Khách hàng ứng trước	1.775.860.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		Khách hàng ứng trước	16.504.119.077	789.459.184

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Lê Thanh Hải****Nguyễn Huy Hưng****Dương Tất Khiêm**